

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/KDTM - PT.

Ngày : 12/4/2021

V/v: Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

**Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh
Bà Ngô Tuyết Băng**

Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội : Bà Đinh Thị Tuyết Mai - KSV

Ngày 12 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 30/2021/TLPT - KDTM ngày 25 tháng 1 năm 2021 về tranh chấp: Hợp đồng bảo hiểm.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 59/2020/ KDTM – ST, ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận ĐĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/QĐPT – KDTM ngày 23 tháng 2 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2021/QĐ- PT ngày 29/3/2021 giữa các đương sự :

*** Nguyên đơn: Tổng Công ty BV (Viết tắt là: BV)**

Trụ sở: 104 T, phường CN, Quận HK , Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân V – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Cẩm T sinh năm 1994

Bà Nguyễn Thị Bằng V sinh năm 1973

Bà Vũ Thu T sinh năm 1983

Theo Giấy ủy quyền số 1327/UQ-BHBV ngày 23/3/2021.

*** Bị đơn: Tổng Công ty Cổ phần P (Viết tắt : P)**

Trụ sở: Tầng 21-22, Tòa nhà M – số 229 phố TS, quận ĐĐ , Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Nam H – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng H, bà Phạm Thị Hồng V, bà Phạm Thị Hồng H. Theo Giấy ủy quyền ngày 15/3/2021.

Người có quyền lợi và lợi ích liên quan:

1. Tổng Công ty Cổ phần BÐ (Viết tắt BÐ)

Trụ sở: Tầng 8, Tòa nhà số 4A LH, quận BÐ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Xuân T- Tổng Giám đốc

2. Công ty Cổ phần M (Viết tắt M)

Trụ sở: Tầng 8, Tòa nhà C, số 17 đường L, Phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng Q - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Hoàng Y, sinh năm 1983;

Theo Giấy ủy quyền ngày 12/8/2019.

3. Công ty Cổ Phần HX (viết tắt HX)

Trụ sở: 333 Đ, Phường 15, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Tiến D - Tổng Giám Đốc.

Bà T, bà T, bà V, ông H, bà V có mặt, các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo các Đơn khởi kiện và các lời khai BV trình bày như sau:***

Ngày 27/9/2011, Công ty BV SG (viết tắt BV SG) – Công ty thành viên của BV ký Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số HCM.D20.OT.11.HD118B.0462 với M nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự, vật chất xe, tai nạn lái xe và người ngồi trên xe cho xe Maybach 62S mang biển kiểm soát 51A-122.88.

Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực từ ngày 10/10/2011, Thời hạn bảo hiểm: 12 tháng từ ngày 10/10/2011 đến ngày 09/10/2012 (bao gồm cả hai ngày trên). Căn cứ vào thời hạn có hiệu lực của hợp đồng thì thời hạn cuối cùng để nộp phí vật chất cho xe Maybach là 09/11/2011 theo điều khoản mở rộng mục 6: Điều khoản đảm bảo thanh toán phí (30 ngày không áp dụng cho TNDS bắt buộc).

Hợp đồng bảo hiểm số HCM.D20.OT.11.HD118B.0462 ký qua Công ty môi giới AON có quy định việc đồng bảo hiểm theo tỉ lệ BVSG: 80% và BÐ SG : 20%.

Ngày 04/10/2011, BV SG và Hội sở P ký Thỏa thuận đồng bảo hiểm. BV SG đồng ý phân chia tỉ lệ đồng bảo hiểm thuộc trách nhiệm của BV (80%) cho P theo tỉ lệ 37.5%/80% (tương đương 30% tổng giá trị hợp đồng). Như vậy, tỉ lệ đồng bảo

hiểm dịch vụ này được tính theo 100% giá trị hợp đồng là: BVSG 50%, P 30%, BĐ 20%.

Ngày 03/11/2011, BV SG ký và phát hành cho M 02 văn bản: “Sửa đổi bổ sung hợp đồng số HCM.D20.OT.HD118B.E34” cho phần trách nhiệm dân sự với nội dung: điều chỉnh hiệu lực Hợp đồng từ ngày 03/11/2011 đến ngày 02/11/2012, thời hạn thanh toán là ngày 03/11/2011 và “Sửa đổi bổ sung hợp đồng số HCM.D20.OT.HD118B.E35” cho phần bảo hiểm vật chất xe: gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 30/11/2011.

Vào thời điểm 13h54’ ngày 03/11/2011, M đã thực hiện việc chuyển phí bảo hiểm số tiền 186.539.929 đồng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào lúc 23h30’ ngày 03/11/2011, xe Maybach bị tai nạn tại đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn đối diện tòa nhà The Manor), Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh do đi xe vào vùng ngập nước dẫn đến hư hỏng động cơ, theo Biên bản xác minh tai nạn xe cơ giới vào lúc 10h00 ngày 07 tháng 11 năm 2011 và ảnh hiện trường (bản photo) kèm theo. Ngay đêm đó, chủ xe đã tiến hành gọi xe cứu hộ của Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh – DN cứu hộ giao thông Hà Nội (Cứu hộ Hà Nội) để đưa xe từ vị trí bị ngập về xưởng sửa chữa là HX theo Lệnh điều xe số 1197 ngày 04/11/2011.

Ngày 05/11/2011, M thông báo tai nạn cho BV SG bằng văn bản Thông báo tai nạn đề ngày 05/11/2011 và đề nghị BV sửa chữa xe.

Thời điểm M đã đóng phí bảo hiểm vào lúc 13h54’ ngày 03/11/2011 và thời điểm xảy ra tai nạn lúc 23h00 cùng ngày, thời gian đóng phí trước gần 10 tiếng đồng hồ. Do vụ việc khách hàng không thông báo ngay để BV giám định tại hiện trường nên ngay sau khi khách hàng khai báo tai nạn, Giám định viên Công ty BV SG (GDV) đã thực hiện việc xác minh tai nạn theo quy trình nghiệp vụ của BV. Trong đó có lập Biên bản xác minh tại hiện trường, chụp ảnh hiện trường và truy tìm căn cứ xác minh theo lời khai của M. Tại điểm xác minh ngày 07/11/2011, sau khi xảy ra tai nạn 04 ngày, mặt đường vẫn còn ngập, nước chưa rút hết. Giám định viên đã thu thập được Lệnh điều xe 1197 của Cứu hộ Hà Nội và sổ theo dõi giao nhận xe của HX. Mọi thông tin về cứu hộ xe xác minh thời điểm và địa điểm xe bị tai nạn trùng với lời khai của chủ xe và lái xe.

Ngày 22/11/2011, P đã phát hành hóa đơn dịch vụ bảo hiểm số 0149108 để BV

SG chuyển phí đồng bảo hiểm. Ngày 05/12/2011, BV SG đã thanh toán phí đồng bảo hiểm cho P là 47.768.642 đồng - UNC số 4021 ngày 05/12/2011 – Ngân hàng Ngoại thương TP HCM.

Ngày 07/12/2011, HX báo giá sửa chữa xe với số tiền 5.585.212.050đ chưa bao gồm VAT. BV SG đã có công văn số 50/BVSG.QLX.2011 thông báo cho các bên đồng bảo hiểm để xin ý kiến.

Ngày 08/12/2011, HX yêu cầu tạm ứng sửa chữa 4,4 tỉ đồng nên BV SG đã có Công văn số 51/BVSG.QLX.2011 cho các bên đồng bảo hiểm để xin ý kiến các bên với thời hạn trả lời là ngày 14/12/2011. Ngày 14/12/2011, P đã có Công văn số 312/HSSO-NV2011: Chỉ định Công ty giám định độc lập để giám định tổn thất nêu trên.

Ngày 27/12/2011, P có Công văn số 323/HSO-NV2/2011 đã nêu ý kiến: *“P tuân thủ mọi quyết định của BVSG và có trách nhiệm chuyển toàn bộ số tiền bồi thường thuộc phần trách nhiệm của P cho BVSG trong vòng 15 ngày khi nhận được toàn bộ bản sao hồ sơ và thông báo bồi thường của BVSG”*.

Ngày 28/12/2011, BV SG có Công văn số 58/BVSG.QLX.2011 thông báo đã chấp nhận chi phí sửa chữa xe 51A-122.88 với số tiền: 5.585.212.050 đồng cho các bên đồng bảo hiểm.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0847536, Hợp đồng bảo hiểm số HCM.D20.OT.11.HD118B.0462, xe Maybach là đối tượng được bảo hiểm hợp pháp, tai nạn trên thuộc phạm vi bảo hiểm nên ngày 05/04/2012, BV đã có văn bản chấp nhận giải quyết bồi thường vật chất xe cho khách hàng số tiền 5.585.212.050 đồng.

Ngày 29/11/2012, sau khi giải quyết bồi thường cho khách hàng, BV SG có Công văn số 19/BVSG-QLX phân bổ trách nhiệm gửi các bên đồng bảo hiểm kèm theo toàn bộ bản sao hồ sơ bồi thường. Trên cơ sở đó, BĐ đã thanh toán số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm (20%) của mình, P chưa thanh toán trách nhiệm tỷ lệ đồng bảo hiểm (30%) là 1.523.239.650đồng.

Ngày 19/12/2014, P gửi cho BV Công văn số 2522P -TSC/2014/TTR, cho rằng: *“BV chuyển phí sau ngày tai nạn hơn một tháng, mặt khác P không tham gia đàm phán hợp đồng bảo hiểm ngay từ đầu do vậy P cần làm rõ một số việc liên quan đến quá trình giao kết hợp đồng. Đồng thời, P tiếp tục đề nghị BVSG cung cấp phiếu gửi Hợp đồng từ BVSG đến P Hội sở và các căn cứ để xác định thời gian BVSG gửi hợp đồng trên.”*. Tuy

nhiên, BV không còn lưu phiếu gửi hợp đồng và cũng không cung cấp được cho P.

Ngày 12/02/2015, P gửi cho BV văn bản số 216 P-TSC/2015/TTR có nội dung: *“vụ tổn thất xe ô tô 51A-122.88 ngày 03/11/2011 không thuộc trách nhiệm bồi thường của P...và đề nghị BV SG chuyển trả cho P Hóa đơn số 149108 cấp ngày 22/11/2011 và cung cấp số tài khoản của đơn vị để P chuyển trả số phí bảo hiểm đến Quý Công ty theo quy định của pháp luật.”*

Ngày 26/6/2015, BV SG có Công văn 1840/2015 gửi P yêu cầu P chuyển trả 1.523.239.650 đồng tương đương với 30% tỷ lệ đồng bảo hiểm theo Thỏa thuận đồng bảo hiểm nhưng P không có ý kiến phản hồi.

Nay Tổng Công ty BV đề nghị Tòa án giải quyết: yêu cầu P thanh toán toàn bộ số tiền bồi thường thuộc phần trách nhiệm đồng bảo hiểm là 1.523.239.650 đồng - chưa bao gồm VAT cho BV liên quan đến Thỏa thuận đồng bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm số HCM.D20.OT.11.HD118B.0462. Ngoài ra, Tổng công ty BV không có yêu cầu nào khác.

Về án phí: đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

*** Tổng Công ty Cổ phần P trình bày như sau:**

P nhất trí với lời khai của BV về việc ký kết, nội dung Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số HCM.D20.OT.11.HD118B.0462, không có tranh chấp.

Ngày 04/10/2011, BV SG và Hội sở P đã ký Thỏa thuận đồng bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số HCM.D20.OT.11.HD118B.0462 với tỉ lệ đồng bảo hiểm là: BVSG 50%, P 30%, BD 20%.

Theo Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số HCM.D20.OT.11.HD118B.0462 thời hạn nộp phí bảo hiểm chậm nhất vào ngày 31/10/2011, M đóng phí bảo hiểm vào ngày 03/11/2011 là quá hạn đóng phí bảo hiểm theo quy định của hợp đồng bảo hiểm do vậy không làm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của P.

P không được biết về việc BV SG ký và phát hành 02 văn bản: “Sửa đổi bổ sung Hợp đồng số HCM.D20.OT.HD118B.E34” và “Sửa đổi bổ sung Hợp đồng số HCM.D20.OT.HD118B.E35”, việc BV tự ý ban hành 02 Sửa đổi bổ sung nêu trên là trái Thỏa thuận đồng bảo hiểm vì theo Thỏa thuận đồng bảo hiểm thì mọi thay đổi đều phải được 2 bên thỏa thuận bằng văn bản.

Vào lúc 23h30' ngày 03/11/2011, xe Maybach bị tai nạn và bị tổn thất tại đường Nguyễn Hữu Cánh” thì BV không thông báo gì về sự kiện bảo hiểm, tình trạng tổn thất

của xe Maybach cho P.

Sau khi nhận được thông báo của BV , ngày 22/11/2011, P đã phát hành Hóa đơn dịch vụ bảo hiểm số 0149108 để BV chuyển phí đồng bảo hiểm. Ngày 05/12/2011, BV đã thanh toán phí đồng bảo hiểm cho P là 47.768.642 đồng theo UNC số 4021 ngày 05/12/2011 – Ngân hàng Ngoại thương TP HCM.”.

Ngày 07/12/2011, BV mới có Công văn số 50/2011/BVSG.QLX gửi P và BD lấy ý kiến về việc giải quyết tổn thất đối với xe ô tô Maybach 62S mang biển kiểm soát 51A-122.88. Tại khoản 1 Điều 4 Thỏa thuận có nội dung: “1. Các bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều quy định trong bản thỏa thuận này. Mọi thay đổi về nội dung của Bản thỏa thuận chỉ được chấp nhận với sự thỏa thuận bằng văn bản có chữ ký của các bên đồng bảo hiểm”. Như vậy, việc BV tự ý ban hành 02 Văn bản “Sửa đổi bổ sung Hợp đồng số HCM.D20.OT.HD118B.E34 và ”Sửa đổi bổ sung Hợp đồng số HCM.D20.OT.HD118B.E35” nêu trên là không đúng với thỏa thuận giữa P và BV nên P không phải chịu trách nhiệm bảo hiểm về tổn thất của xe Maybach.

Ngày 12/02/2015, P gửi BV Văn bản số: 216 P-TSC/2015/TTR có nội dung: “vụ tổn thất xe ô tô 51A-122.88 ngày 03/11/2011 không thuộc trách nhiệm bồi thường của P...và đề nghị BV SG chuyển trả cho P Hóa đơn số 149108 cấp ngày 22/11/2011 và cung cấp số tài khoản của đơn vị để P chuyển trả số phí bảo hiểm đến Quý Công ty theo quy định của pháp luật và cho rằng Thỏa thuận đồng bảo hiểm giữa BV Sài Gòn và P không có hiệu lực từ ngày 31/10/2011.

BV thanh toán phí bảo hiểm sau khi tổn thất xảy ra nên Thỏa thuận đồng bảo hiểm ngày 04/10/2011 nêu trên là vô hiệu theo Điều 22 khoản 1, điểm C Luật Kinh doanh bảo hiểm: “*Tại thời điểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm đã biết sự kiện bảo hiểm xảy ra*” nên, P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của BV đề nghị :

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; P không phải thanh toán toàn bộ số tiền bồi thường thuộc phần trách nhiệm đồng bảo hiểm của P là 1.523.239.650 đồng cho BV theo “Thỏa thuận đồng bảo hiểm ngày 04/10/2011”; Đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt hiệu lực của “Thỏa thuận đồng bảo hiểm ngày 04/10/2011” đã ký giữa Công ty BV SG và Hội sở Công ty cổ phần Bảo hiểm P. P đồng ý và tự nguyện chuyển trả phí đồng bảo hiểm là: 47.768.642 đồng cho BV mà P đã nhận từ BV SG ngày 05/12/2011.

Về án phí: P đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện trình như sau:

BV , BD , P có Thỏa thuận đồng bảo hiểm ngày 4/10/2011 theo tỷ lệ BV 50%, P 30%,BD 20% đúng như BV trình bày.

Đối với tổn thất của xe 51A-12288 vào ngày 03/11/2011, BV đã thông báo cho BD chi phí sửa xe là 5.585.212.050 đồng. Sau khi nhận đầy đủ chứng từ liên quan đến việc bồi thường bảo hiểm từ BV , BD xác định: tổn thất trên thuộc phạm vi trách nhiệm của các nhà đồng bảo hiểm, BD đồng bảo hiểm 20% nên số tiền bảo hiểm thuộc phạm vi bảo hiểm của BD là 1.117.042.410 đồng. Do hóa đơn sửa chữa xe (bao gồm VAT) không xuất cho BD mà xuất cho BV nên số tiền bồi thường bảo hiểm trước thuế mà BD phải chi trả là 1.015.493.100 đồng. BD đã thực hiện việc bồi thường bảo hiểm, chuyển cho BV đại diện các nhà đồng bảo hiểm để bồi thường cho khách hàng. BD đã thực hiện đúng theo quy định của thỏa thuận đồng bảo hiểm, hoàn thành nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm cho khách hàng theo đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm. Do vậy, BD không có quyền lợi cũng như nghĩa vụ gì trong vụ án tranh chấp đồng bảo hiểm nêu trên giữa BV và P, đề nghị Tòa án không xác định BD là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và không triệu tập BD tham gia giải quyết vụ án. Trường hợp, Tòa án vẫn xác định BD là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, BD đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như phiên tòa xét xử vụ án nêu trên.

**** Công ty Cổ phần M trình bày:***

Ngày 27/9/2011, M thông qua đại lý môi giới bảo hiểm Công ty AON Việt Nam, ký Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số HCM.D20.OT.11.HD118B.0462 với BV SG đúng như BV trình bày.

Ngày 03/11/2011, đối tượng bảo hiểm xảy ra tổn thất do bị tai nạn ngập nước, hệ thống động cơ bị hư hỏng nặng, với tổng số tiền sửa chữa và bảo hiểm là 5.585.212.050 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Việc sửa chữa đã hoàn tất, các bên bảo hiểm cũng đã hoàn tất thanh toán số tiền sửa chữa xe, M đã nhận bàn giao đối tượng bảo hiểm vào ngày 05/3/2012. Đây là tranh chấp giữa BV và P theo Thỏa thuận đồng bảo hiểm giữa hai bên không liên quan đến M .

**** Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng trình bày:***

HX không liên quan đến vụ án, đề nghị được vắng mặt.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 59/2020/ KDTM – ST, ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận ĐĐ đã quyết định như sau:

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty BV đối với Tổng Công ty Cổ phần P.

2. Tổng Công ty Cổ phần P không phải thanh toán toàn bộ số tiền bồi thường thuộc phân trách nhiệm đồng bảo hiểm của P là 1.523.239.650 đồng (Một tỷ, năm trăm hai ba triệu, hai trăm ba chín nghìn , sáu trăm năm mươi đồng- chưa bao gồm VAT) cho Tổng Công ty BV theo “Thỏa thuận đồng bảo hiểm ngày 04/10/2011” đã ký giữa Công ty BV SG Công ty thành viên của Tổng Công ty BV và Hội sở Công ty cổ phần Bảo hiểm P cho Hợp đồng bảo hiểm số HCM.D20.OT.11.HD118B.0462 ký kết ngày 27/9/2011 giữa Công ty BV SG Công ty thành viên của Tổng Công ty BV và Công ty cổ phần M bảo hiểm trách nhiệm dân sự (TNDS) và vật chất xe (VCX), tai nạn lái xe và người ngồi trên xe cho xe Maybach 62S biển số 51A-12288 , giữa các đồng bảo hiểm: Tổng Công ty BV : 50%; Tổng Công ty Cổ phần P: 30% và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện: 20% do Tổng Công ty BV vi phạm Điều 2.1 của “Thỏa thuận đồng bảo hiểm ngày 04/10/2011”.

3. Tuyên bố chấm dứt “Thỏa thuận đồng bảo hiểm ngày 04/10/2011” đã ký giữa Công ty BV SG Công ty thành viên của Tổng Công ty BV và Hội sở Công ty cổ phần Bảo hiểm P cho Hợp đồng bảo hiểm số HCM.D20.OT.11.HD118B.0462 ký kết ngày 27/9/2011 giữa Công ty BV SG Công ty thành viên của Tổng Công ty BV và Công ty cổ phần M .

4. Tổng Công ty Cổ phần P phải chuyển trả phí (Hoàn phí) đồng bảo hiểm là: 47.768.642 đồng (Bốn bảy triệu, bảy trăm sáu tám nghìn, sáu trăm bốn hai đồng) cho Tổng Công ty BV là phí đồng bảo hiểm mà Tổng Công ty Cổ phần P đã nhận từ Công ty BV SG - Tổng Công ty BV theo UNC số 4021 ngày 05/12/2011 – Ngân hàng Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên không xem xét.

6. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

7. Về án phí:

7.1 Tổng Công ty Cổ phần P không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

7.2 Tổng Công ty BV phải nộp 56.697.189 đồng (Năm mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi chín đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; Đối trừ với số tiền 28.848.000 đồng (Hai mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng) Tổng Công ty BV đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008875 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội; Tổng Công ty BV còn phải nộp: 27.849.189 đồng (Hai mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, một trăm tám mươi chín đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. (Chưa nộp).

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm :

BV kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của BV.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

Nguyên đơn trình bày: BV giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. BV kháng cáo về nội dung của Bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền đồng bảo hiểm là 1.523.239.650 đồng. BV có bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán số lãi trên số tiền phải thanh toán theo Bộ luật dân sự và đề nghị Tòa án tuyên bố Thỏa thuận đồng bảo hiểm có hiệu lực đến khi hai bên thực hiện xong.

Bị đơn trình bày:

- Theo Thỏa thuận đồng bảo hiểm thời hạn cuối cùng nộp phí bảo hiểm là ngày 31/10/2011, việc BV tự ý ban hành 2 Sửa đổi bổ sung với nội dung kéo dài thời hạn nộp phí bảo hiểm đến ngày 30/11/2011 khi chưa thỏa thuận với P là vi phạm thỏa thuận và trái pháp luật do vậy không phát sinh trách nhiệm của P đối với 2 thỏa thuận nêu trên.

- Khi xảy ra sự kiện BV không thông báo cho P. Ngày 18/11/2011 BV yêu cầu P xuất hoá đơn theo Thỏa thuận đồng bảo hiểm (khi đó sự kiện bảo hiểm đã xảy ra nhưng BV không thông báo sự kiện bảo hiểm cho P biết là vi phạm Thỏa thuận). Ngày 22/11/2011 P xuất hoá đơn cho BV. Ngày 5/12/2011 BV thanh toán phí bảo hiểm cho P. Ngày 7/12/2011 BV mới thông báo cho P biết sự kiện bảo hiểm xảy ra vào ngày 3/11/2011. Như vậy, BV vi phạm Thỏa thuận đồng bảo hiểm, không minh bạch trong

việc cung cấp thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm, Thỏa thuận đồng bảo hiểm, vi phạm Luật kinh doanh bảo hiểm, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của BV , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đơn kháng cáo của BV trong thời hạn Luật định, hợp lệ.

- Thỏa thuận đồng bảo hiểm có hiệu lực pháp luật, việc BV ban hành 2 Văn bản sửa đổi bổ sung gia hạn thời hạn nộp phí bảo hiểm khi không thỏa thuận với P là vi phạm thỏa thuận nên không làm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của P. BV không thông báo cho P về sự kiện bảo hiểm xảy ra khi chuyển phí bảo hiểm là vi phạm Luật kinh doanh bảo hiểm, do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của BV là có căn cứ, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của BV , giữ nguyên Bản án sơ thẩm

- Về án phí phúc thẩm: BV phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về thủ tục tố tụng* : Đơn kháng cáo của BV trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- *Về Quan hệ pháp luật*: Ngày 04/10/2011, BV SG và Hội sở P đã ký Thỏa thuận đồng bảo hiểm. Trong quá trình thực hiện Thỏa thuận đồng bảo hiểm hai bên xảy ra tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hợp đồng bảo hiểm là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung* :

1/ *Về Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số HCM.D20.OT.11.HD118B.0462*:

+ Ngày 27/9/2011, Công ty BV SG - Công ty thành viên của Tổng Công ty BV đã ký Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số HCM.D20.OT.11.HD118

B.0462 với M (chủ xe) để bảo hiểm trách nhiệm dân sự và vật chất xe, tai nạn lái xe và người ngồi trên xe cho xe ô tô Maybach; Biển số xe: 51A-122.88, thấy rằng hai bên ký

kết Hợp đồng bảo hiểm trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với điều 12,13,14 Luật kinh doanh bảo hiểm, điều 567 Bộ luật dân sự 2005, nên phát sinh hiệu lực.

+ Ngày 05/11/2011, BV SG đã cấp cho M : Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0847536 ngày 05/11/2011, Thời hạn bảo hiểm từ ngày 10/10/2011 đến ngày 09/10/2012.

+ Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số HCM.D20.OT.11.HD118B.0462 có quy định về Điều khoản thanh toán phí bảo hiểm: *“Phí bảo hiểm Trách nhiệm dân sự bắt buộc: 379.500đồng phải được thanh toán chậm nhất vào ngày hiệu lực hợp đồng bảo hiểm. Phí bảo hiểm còn lại: 186.160.429đồng phải được thanh toán trước ngày 31/10/2011”*

+ Ngày 03/11/2011, BV SG đã ban hành 02 văn bản: “Sửa đổi bổ sung Hợp đồng số HCM.D20.OT.HD118B.E34” và “Sửa đổi bổ sung Hợp đồng số HCM.D20.OT.HD118B.E35” vào ngày 03/11/2011 với nội dung *“ Thời hạn thanh toán mới: ngày 03/11/2011; sau đó tiếp tục gia hạn thời hạn thanh toán mới của hợp đồng là ngày 30/11/2011”*

+ Hồi 13h54 ngày 03/11/2011, M chuyển phí bảo hiểm cho BV số tiền 186.539.929đồng , BV coi là hợp lệ và là căn cứ xác định bồi thường cho M .

+ Về sự kiện bảo hiểm : Hồi 23h30’ ngày 03/11/2011, xe Maybach bị tai nạn tại đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn đối diện tòa nhà The Manor), Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh do đi xe vào vùng ngập nước dẫn đến hư hỏng động cơ và phát sinh sự kiện bảo hiểm. BV đã thanh toán cho M toàn bộ số tiền bảo hiểm là 5.585.212.050 đồng, giữa BV , M , BD không có tranh chấp về khoản tiền bảo hiểm nêu trên, nên Toà không xem xét.

+ Về sự kiện bảo hiểm , tai nạn xảy ra , thiệt hại xảy ra, chi phí sửa chữa xe ô tô các bên đương sự không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xét.

Hai bên tranh chấp về Trách nhiệm của P trong “Thỏa thuận đồng bảo hiểm ngày 04/10/2011”, do vậy Hội đồng xét xử làm rõ và xem xét nội dung trên.

2/Về Thỏa thuận đồng bảo hiểm ngày 04/10/2011:

+ Ngày 04/10/2011, BV SG và Hội sở P đã ký Thỏa thuận đồng bảo hiểm với nội dung : *“BV SG đồng ý phân chia tỉ lệ đồng bảo hiểm thuộc trách nhiệm của BV (80%) cho P theo tỉ lệ 37.5%/80% (tương đương 30% tổng giá trị hợp đồng), tỉ lệ đồng bảo hiểm dịch vụ này được tính theo 100% giá trị hợp đồng là: BVSG 50%, P*

30%, *BĐ 20%*”. Thấy rằng Thỏa thuận đồng bảo hiểm ngày 04/10/2011 được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của Thỏa thuận phù hợp với điều 12,13,14 Luật kinh doanh bảo hiểm và Điều 567 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên phát sinh hiệu lực và có giá trị thi hành với các bên. Các bên không tranh chấp về việc ký kết, nội dung của Thỏa thuận đồng bảo hiểm ngày 04/10/2011.

Khoản 2 điều 25 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định : *“Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo hiểm phải được lập bằng văn bản”*

Điều 1,4, 2.2 của Thỏa thuận đồng bảo hiểm quy định:

“1. Các bên thỏa thuận rằng: BV SG và Hội sở P thống nhất Đồng bảo hiểm cho khách hàng Công ty Cổ phần M tham gia đơn bảo hiểm Ô tô; Phạm vi bảo hiểm: theo nội dung của đơn BH số HCM. D20.OT.11.HD118B.0462. Hiệu lực bảo hiểm: từ 10/10/2011.

4.1. Các bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều quy định trong bản thỏa thuận này. Mọi thay đổi về nội dung của Bản thỏa thuận chỉ được chấp nhận với sự thỏa thuận bằng văn bản có chữ ký của các bên đồng bảo hiểm.”

“2.1 Trách nhiệm của bên A :Theo dõi thực hiện hợp đồng trong suốt thời hạn bảo hiểm; ký các tài liệu, văn bản, sửa đổi bổ sung liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và có trách nhiệm thông báo cho bên B các thay đổi phát sinh trong thời gian thực hiện hợp đồng bảo hiểm.”

Căn cứ vào điều khoản nêu trên thể hiện BV và P thỏa thuận về việc đồng bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm số HCM.D20.OT.11.HD118B.0462 ngày 27/9/2011, theo đó thời hạn cuối cùng nộp phí bảo hiểm là ngày 30/10/2011.

+ Ngày 03/11/2011, BV SG đã ban hành 02 văn bản: “Sửa đổi bổ sung Hợp đồng số HCM.D20.OT.HD118B.E34” và “Sửa đổi bổ sung Hợp đồng số HCM.D20.OT.HD118B.E35” với nội dung “ Thời hạn thanh toán mới: ngày 03/11/2011; tiếp tục gia hạn thời hạn thanh toán mới của hợp đồng là ngày 30/11/2011” nhưng không thỏa thuận, không thông báo và không gửi cho P 2 thỏa thuận nêu trên là vi phạm điều 2.1 của Thỏa thuận đồng bảo hiểm.

Việc BV đồng ý kéo dài thời điểm nộp phí bảo hiểm từ ngày 30/10/2011 sang ngày 3/11/2011 khi chưa thông báo và chưa thỏa thuận với P là vi phạm điều 4.1 của Thỏa thuận đồng bảo hiểm và khoản 2 điều 25 Luật kinh doanh bảo hiểm, khoản 1 điều 572 Bộ luật Dân sự năm 2005. Theo quy định tại điều 4.1 của Thỏa thuận đồng bảo

hiểm thì mọi thay đổi phải được hai bên thỏa thuận bằng văn bản, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo yêu cầu BV phải nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh việc BV đã thỏa thuận với P về việc kéo dài thời hạn nộp phí bảo hiểm đến ngày 30/11/2011, cũng như thỏa thuận về việc ban hành 02 Sửa đổi bổ sung ngày 3/11/2011 nhưng BV không nộp và không có bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc BV và P đã thỏa thuận về việc kéo dài thời gian nộp phí bảo hiểm đến ngày 30/11/2011 và thỏa thuận về việc ban hành 02 Sửa đổi bổ sung ngày 3/11/2011. Do vậy có cơ sở xác định giữa BV và P không có thỏa thuận kéo dài thời điểm nộp phí bảo hiểm từ ngày 3/11/2011 đến ngày 30/11/2011 và không có thỏa thuận về việc ban hành 02 Sửa đổi bổ sung ngày 3/11/2011.

Các tài liệu có trong hồ sơ chỉ thể hiện BV và P có Thỏa thuận đồng bảo hiểm đối với Hợp đồng bảo hiểm số HCM.D20.OT.11.HD118B.0462 ngày 27/9/2011 chứ không có Thỏa thuận đồng bảo hiểm đối với “Sửa đổi bổ sung Hợp đồng số HCM.D20.OT.HD118B.E34, Sửa đổi bổ sung Hợp đồng số HCM.D20.OT.HD118B.E35” ngày 03/11/2011. Do vậy việc ngày 30/10/2011 M không nộp phí bảo hiểm theo đúng Hợp đồng bảo hiểm số HCM.D20.OT.11.HD118B.0462 ngày 27/9/2011 nên không phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của P theo quy định tại khoản 2 điều 23 Luật kinh doanh bảo hiểm.

Điều d khoản 2 điều 18 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định : “ *Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ : Thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm*”

Ngày 3/11/2011 BV nhận phí bảo hiểm của M không đúng thời hạn trong Hợp đồng bảo hiểm không thông báo cho P biết và không thỏa thuận với P về việc kéo dài thời hạn nộp phí bảo hiểm, hồi 23h cùng ngày khi sự kiện bảo hiểm xảy ra BV không thông báo cho P biết là vi phạm Thỏa thuận đồng bảo hiểm, vi phạm điểm d khoản 2 điều 18 Luật kinh doanh bảo hiểm.

Ngày 18/11/2011 BV yêu cầu P phát hành hoá đơn về việc phí bảo hiểm nhưng lại không thông báo cho P biết về sự kiện bảo hiểm đã xảy ra là vi phạm điểm d khoản 2 điều 18 Luật kinh doanh bảo hiểm. Ngày 5/12/2011 BV chuyển phí cho P và cũng không thông báo cho P biết về sự kiện bảo hiểm đã xảy ra , 2 ngày sau là ngày 7/12/2011 BV mới thông báo cho P biết sự kiện bảo hiểm đã xảy ra là vi phạm điểm d khoản 2 điều 18 Luật kinh doanh bảo hiểm. Từ những phân tích trên, thấy rằng việc

Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của BV đòi P có trách nhiệm phải thanh toán phí đồng bảo hiểm 1.523.239.650 đồng là có căn cứ. Do vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của BV đối với P về việc đòi số tiền đồng bảo hiểm 1.523.239.650 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm, BV yêu cầu tính lãi của số tiền 1.523.239.650 đồng theo Bộ luật dân sự, yêu cầu công nhận hiệu lực của Thỏa thuận đồng bảo hiểm đến khi nào P thanh toán xong các khoản phải thanh toán, thấy rằng tại Đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm BV không có 2 yêu cầu trên, Toà án cấp sơ thẩm không giải quyết đối với 2 yêu cầu nêu trên, do vậy căn cứ điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét 2 yêu cầu trên, nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy cần phải sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án, do vậy căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của BV sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên.

Về án phí : BV phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với pháp luật .

Từ những nhận định trên !

Căn cứ Điều 12,13,14, 15, điểm d khoản 2 điều 18, khoản 2 điều 23, khoản 2 điều 25 Luật kinh doanh bảo hiểm.

Căn cứ điều 567, khoản 1 điều 572 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, 293, khoản 2 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 điều 26, Khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử :Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty BV .

Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 59/2020/ KDTM – ST, ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận ĐĐ về cách tuyên án và quyết định như sau :

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty BV đối với Tổng Công ty Cổ phần P.

2. Tổng Công ty Cổ phần P không phải thanh toán số tiền 1.523.239.650 đồng (Một tỷ, năm trăm hai ba triệu, hai trăm ba chín nghìn , sáu trăm năm mươi đồng) chưa bao gồm VAT cho Tổng Công ty BV theo “Thỏa thuận đồng bảo hiểm ngày 04/10/2011” .

3. Tuyên bố chấm dứt “Thỏa thuận đồng bảo hiểm ngày 04/10/2011” đã ký giữa Công ty BV SG - Công ty thành viên của Tổng Công ty BV và Hội sở Công ty cổ phần Bảo hiểm P thành viên của Tổng Công ty Cổ phần P.

4. Tổng Công ty Cổ phần P phải chuyển trả phí (Hoàn phí) đồng bảo hiểm là: 47.768.642 đồng (Bốn bảy triệu, bảy trăm sáu tám nghìn, sáu trăm bốn hai đồng) cho Tổng Công ty BV .

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên không xem xét.

6. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

7. Về án phí:

Tổng Công ty Cổ phần P không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tổng Công ty BV phải nộp 56.697.189 đồng (Năm mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi chín đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000đ án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm được trừ vào số tiền 28.848.000 đồng và 2.000.000đ nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 8875 ngày 10 tháng 7 năm 2019 và biên lai số 15040 ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận ĐĐ , còn phải nộp: 27.849.189 đồng (Hai mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, một trăm tám mươi chín đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Quận ĐĐ ;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;*
- *Đương sự.*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Hồng Hạnh